

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2025

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con, nợ chung vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đông Hà;

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Thắm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng – kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, nợ chung của vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2025/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp A, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (NHCSXH).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Ngọc T, Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Vị Thủy.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc Trang: Ông Bùi Xuân K,
Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Vị Thủy.
Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2025 nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày: Bà và bị đơn ông Nguyễn T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Thời gian sống đầu vợ chồng rất hạnh phúc. Thời gian sau, bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống kéo dài nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, tình cảm rạn nứt, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng tất cả đều không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không giải quyết được. Nay nguyên đơn nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Diễm M (nữ), sinh ngày 04/4/2009, Nguyễn Ngọc Tường V (nữ), sinh ngày 06/6/2012 và Nguyễn Kha L (nữ), sinh ngày 28/7/2016. Hiện tại các cháu đang sống cùng với nguyên đơn, khi ly hôn nguyên đơn có yêu cầu nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại “Tờ tự khai” ngày 25/10/2025 nguyên đơn trình bày bổ sung như sau: Vào ngày 18/11/2022 ông Nguyễn T có vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội Vị Thủy với tổng số tiền vay là 43.000.000 đồng là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa nguyên đơn và ông Nguyễn T, nguyên đơn thống nhất trả $\frac{1}{2}$ tổng số tiền nợ 43.000.000 đồng tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam Phòng giao dịch Vị Thủy và lãi suất phát sinh. Đồng thời, nguyên đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn T trình bày: Ông và vợ là bà Võ Thị H qua mai mối mới quen biết, tìm hiểu nhau vài tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (cũ). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 20/02/2025 âm lịch thì ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn từ kinh tế, vợ chồng cự cãi rồi vợ bỏ đi về bên ngoại. Ông có qua nhà cha mẹ vợ nhiều lần để kêu vợ về nhưng vợ ông không về, cha mẹ vợ không cho về còn ngăn cấm, chửi ông. Ông muốn đưa con về nhưng cha mẹ vợ cũng không cho, ông có vào nhà mở cửa thì bị báo công an nói ông phá nhà cha mẹ vợ. Sau đó ông có đến nhưng bị ngăn cấm không cho đến.

Vợ chồng ông có 03 con chung tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 2009, Nguyễn Ngọc Tường V, sinh năm 2012, Nguyễn Kha L, sinh năm 2016. Các con đều là nữ và đang sống cùng vợ ông bà Võ Thị H. Vợ chồng ông có nợ chung 43.000.000 đồng của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, vay chương trình nước sạch. Về tài sản có đất và nhà, cụ thể: Sau khi cưới vợ chồng ông ở riêng, đất

do cha mẹ ông cho hai vợ chồng ông khi ra riêng diện tích 0,5 công tầm 3m, chưa tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà do cha mẹ vợ cho tiền xây dựng khi hai vợ chồng ra riêng.

Số nợ ngân hàng chính sách ông tự nguyện trả. Nếu vợ ông kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu vợ ông cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngân hàng thống nhất chỉ yêu cầu ông Nguyễn T trả nợ cho ngân hàng, do khoản vay chưa đến hạn và người vay vẫn đóng lãi đầy đủ nên Ngân hàng chưa yêu cầu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy trình thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung: Giao cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét; về nợ chung: Ghi nhận ý kiến của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu xử lý nợ và đồng ý chỉ để bị đơn ông Nguyễn T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, nợ chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ) theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn xuất phát từ sự tự nguyện, quá trình sống chung có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật thừa nhận. Do mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân: Bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi, gia đình không hạnh phúc. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành. Bị đơn muốn hàn gắn với nguyên đơn nhưng cũng không có động thái để hàn gắn cuộc sống hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn. Từ đó, cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có ba con chung. Xét thấy các con chung đều là nữ, có nguyện vọng sống cùng với nguyên đơn, đồng thời nguyên đơn cũng có yêu cầu nuôi dưỡng con chung và các con hiện tại đang sống cùng với nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử giao ba con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét do nguyên đơn chưa yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận và chấp nhận ý kiến của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu xử lý nợ và đồng ý chỉ để bị đơn ông Nguyễn T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp 300.000đồng. Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn T phải nộp theo quy định.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51; Điều 53; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn T.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 04/4/2009, Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 06/6/2012, Nguyễn Kha L, sinh ngày 28/7/2016 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Ghi nhận và chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu xử lý nợ và đồng ý chỉ để bị đơn ông Nguyễn T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Buộc bị đơn ông Nguyễn T có trách nhiệm trả số tiền 43.000.000 đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và lãi phát sinh đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009208 ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Cần Thơ). Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn T phải nộp theo quy định là 2.150.000 đồng.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 11 – Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- UBND xã B, TP Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Trọng Nghĩa

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Công Điện Cao Thị Ánh Hồng

Lê Trọng Nghĩa